

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2020/HS- PT

Ngày 18 - 5 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thái

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Sơn

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2019/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Quốc M do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với bản án số: 86/2019/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố PY.

**- Bị cáo bị kháng nghị:**

Trần Quốc M, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1983 tại huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn BS, xã BH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trần Đức C (đã chết) và bà Dương Thị B; có vợ là Vũ Thị Ph và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

**- Quá trình hoạt động bản thân:**

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 154/QĐ/XPVPHC ngày 14/7/2010 Công an huyện BX xử phạt Trần Quốc M 200.000đồng về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác. Đã chấp hành xong ngày 14/7/2010.

Tại Bản án số: 40/2012/HSST ngày 15/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử 04 tháng tù về tội: “Đánh bạc”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/9/2012, chấp hành xong án phí ngày 13/10/2012, chấp hành xong hình phạt bổ sung ngày 16/10/2012. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/03/2019 đến nay (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Ngô M Ph1, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, phường HV, thành phố PY, Vĩnh Phúc.

2. Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, phường HV, thành phố PY, Vĩnh Phúc.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Hoàng Thị M D, Luật sư Công ty Luật TNHH TH, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, phường HV, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người làm chứng:* Anh Ngô Văn L, sinh năm 1987 (có mặt).

*Ngoài ra còn có nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/8/2017, Công ty cổ phần Taxi TC Vĩnh Phúc (gọi tắt là công ty TC) do ông Lê Đăng Th làm giám đốc có ký hợp đồng lao động với Trần Quốc M về việc lái xe kinh doanh dịch vụ taxi. Ngày 04/10/2017, công ty TC giao xe ô tô, nhãn hiệu MERCEDES BENZ - C200K, loại xe ô tô 04 chỗ, màu sơn đen, Biển kiểm soát: 30A – 641.58 và bản chính giấy đăng ký xe, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 01 đăng kiểm xe cho Trần Quốc M để thực hiện việc kinh doanh Taxi, thời hạn hợp đồng đến 06/8/2018 thì hết hạn. Theo quy định của công ty TC, từ 08 giờ 00 đến 11 giờ 00 hàng ngày Trần Quốc M phải đem xe ô tô, đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát 30A - 641.58 và giấy tờ liên quan đến trụ sở của công ty TC tại phường TC, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc để kiểm tra xe. Sau khi nhận được xe ô tô Biển kiểm soát 30A – 641.58, Trần Quốc M tiến hành kinh doanh Taxi và thực hiện việc kiểm tra xe, nộp tiền theo đúng quy định. Đến ngày 30/01/2018 do thiếu tiền tiêu sài, Trần Quốc M điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 30A – 641.58 nêu trên đến cửa hàng xe máy M A; tại địa chỉ: Tổ 4, phường HV, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc do anh Ngô M Ph1 làm giám đốc đặt vấn đề để lại chiếc ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58, cho anh Ph1 để lấy tiền tiêu sài, anh Ph1 đồng ý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo Trần Quốc M và anh Ngô Văn L trình bày: Ngày 30/01/2018, khi đặt vấn đề cầm cố xe Biển kiểm soát 30A- 641.58 cho anh Ph1 lấy số tiền 80.000.000 đồng, M nói cho anh Ph1 biết nguồn gốc xe ô tô là của Công ty cổ phần Taxi TC và thỏa thuận thỉnh thoảng anh Ph1 phải cho M mượn xe ô tô này để đi về Công ty kiểm tra, anh Ph1 đồng ý. Sau đó, anh Ngô Văn L là nhân viên làm tại cửa hàng xe máy của anh Ph1 hướng dẫn M viết giấy cầm cố xe vay tiền vào một mẫu giấy vay tiền có sẵn. Sau khi viết xong giấy, M đưa lại cho T kiểm tra, rồi T đưa lại cho anh Ph1 giấy vay tiền này để quản lý. Lúc này anh Ph1 yêu cầu M tiếp tục viết giấy bán xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58 thì mới giao tiền cho M, M đồng ý. Sau đó, anh

Ph1 hướng dẫn M viết giấy bán xe ô tô Biển kiểm soát 30A - 641.58 với giá 200.000.000đồng. M viết xong giấy bán xe giao lại cho anh Ph1 cầm, anh Ph1 bảo vợ là chị Nguyễn Thị Kiều O kiểm tra lại cất giấy này đi. Sau đó chị O vợ anh Ph1 đưa tiền cho anh T là 68.000.000đồng, do đã cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền 12.000.000đ rồi đưa cho M. M nhận 68.000.000đồng và giao xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58, cùng Bản gốc Giấy đăng ký xe, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe, 01 đăng kiểm xe cho anh Ph1 rồi ra về. Đến ngày 06/02/2018, M mượn anh Ph1 chiếc xe ô tô trên để đi về Công ty kiểm tra, anh Ph1 đồng ý và bảo Ngô Văn L điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 30A - 641.58 đưa M đến Công ty taxi TC để kiểm tra và M đã nộp đăng ký bản gốc cho Công ty TC. Sau khi kiểm tra xe xong, M tiếp tục nhờ T đưa về nhà ở BX, trên đường về vì nhà M có tang, nên M mượn xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58 để sử dụng vào việc đi lại, T đồng ý. Sau khi mượn được xe ô tô M sử dụng đến hết ngày 06/02/2018 vẫn không trả cho T. Lúc này, T đi tìm M để lấy lại xe ô tô về trả cho anh Ph1 nhưng không tìm được, T điện thoại cho M nhưng không liên lạc được. Sau đó anh T tiếp tục tìm M đòi lại xe ô tô và đến ngày 08/02/2018, anh T phát hiện thấy xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58 để tại nhà nghỉ QH thuộc xã BH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc và báo cho anh Ph1 biết. Sau đó anh Ph1 đi đến nhà nghỉ QH và cùng với T gặp M để lấy lại chiếc xe ô tô này. Lúc này, M cho biết giấy tờ xe đang để ở nhà nghỉ QL; địa chỉ tại xã BH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc nên anh Ph1, anh T cùng M đi đến nhà nghỉ QL lấy giấy tờ. Theo bị cáo M trình bày, ngày 08/02/2018 tại nhà nghỉ Quỳnh Loan, anh Ph1 và hai người đàn ông nữa M không biết tên, tuổi đã dùng tay chân đánh M lấy đi chiếc túi sách bên trong đó có giấy tờ cá nhân của M và người thân, có đăng kiểm và bảo hiểm xe ô tô Biển kiểm soát 30A-641.58 và điện thoại; sau đó anh Ph1, anh T và hai người đàn ông lấy xe ô tô trên đi đâu M không biết. Theo anh T trình bày sau khi lấy lại được xe ô tô, anh Ph1 đưa cho T kiểm tra chiếc túi sách của M, thì chỉ có bản gốc Giấy chứng nhận trách nhiệm dân sự, Sổ đăng kiểm của xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58, nhưng không có bản gốc Giấy đăng ký của xe ô tô, anh Ph1 và T đi xe ô tô trên về nhà mẹ vợ anh Ph1 là bà Nguyễn Thị H để xe tại đó. Sau đó anh T và anh Ph1 đến Công an xã BH để giao nộp túi sách của M và trình báo sự việc bị M lấy mất đăng ký xe ô tô. Hiện tại anh T không còn làm việc cho anh Ph1 và chị Oanh nữa, T đang phải chấp hành án 08 năm 09 tháng tù tại Trại giam Vĩnh Quang về tội: “Cướp tài sản” và “Giữ người trái pháp luật”.

Đối với anh Ngô M Ph1 và vợ là chị Nguyễn Thị Kiều O, quá trình điều tra và tại phiên tòa khẳng định ngày 30/01/2018 Trần Quốc M có mang chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58 đến cửa hàng xe máy M Anh đặt vấn đề bán xe cho anh Ph1. Lúc diễn ra giao dịch mua bán xe chỉ có 02 vợ chồng anh chị với Trần Quốc M, M có nói với anh chị xe ô tô do M mua của Công ty cổ phần Vận

Tải 57, nhưng chưa sang tên, nay M không có nhu cầu sử dụng đang cần tiền nên muốn bán. Vì tin tưởng M cũng là chỗ quen biết, nên anh chị đã mua chiếc xe ô tô trên với giá 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). M là người viết giấy bán xe, anh chị đã trả đủ cho M 200.000.000đồng, M bàn giao lại xe ô tô cùng bản gốc đăng ký xe, Giấy chứng nhận trách nhiệm dân sự, Sổ đăng kiểm của xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58. Chiếc xe ô tô trên sau khi mua, anh chị đi lại sử dụng hàng ngày xung quanh thành phố PY. Đến ngày 06/02/2018 Ngô Văn L là nhân viên của cửa hàng, có hỏi mượn xe ô tô này về quê ăn giỗ, nên anh Ph1 đã cho T mượn xe cùng toàn bộ giấy tờ xe. Nhưng sau đó T lại cho Trần Quốc M mượn lại xe, M đã không trả lại xe cho T để trả cho anh Ph1, anh Ph1 đã bắt T đi tìm M để đòi xe. Đến ngày 08/02/2018 T gọi điện cho anh Ph1 nói đã tìm được xe, sau đó anh Ph1 và T đến nhà nghỉ QL tìm gặp M để đòi xe, tại đây M đã trả lại xe ô tô cùng túi đựng giấy tờ xe cho anh Ph1. Trên đường về, anh Ph1 phát hiện trong túi đựng giấy tờ chỉ còn bản gốc Giấy chứng nhận trách nhiệm dân sự, Sổ đăng kiểm của xe ô tô biển kiểm soát 30A- 641.58, nhưng không có bản gốc Giấy đăng ký của xe ô tô. Anh Ph1 và T đi xe ô tô về nhà bà Nguyễn Thị Hiền là mẹ vợ anh Ph1 để xe ô tô tại đó. Sau đó anh Ph1 và T đi lên Công an xã Bá Hiến, huyện BX trình báo sự việc và giao nộp cho Công an toàn bộ giấy tờ có trong chiếc túi sách mà Trần Quốc M đã đưa cho anh Ph1. Hiện tại Công an xã Bá Hiến đang giải quyết đơn của anh. Khoảng vài ngày sau anh Ph1 và chị O mới được biết chiếc xe ô tô mà M đã bán cho vợ chồng anh chị là của Công ty cổ phần Taxi TC Vinh Phúc, M chỉ lái xe thuê xe cho Công ty thôi. Nay M bị truy tố về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, trong quá trình điều tra anh Ph1 và chị O đề nghị M phải hoàn trả cho anh chị số tiền mua xe là 200.000.000đồng và số tiền lãi là 150.000.000đồng, tổng là 350.000.000đồng; tại phiên tòa anh Ph1 và chị O đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi bị anh Ph1 lấy lại xe ô tô, không có tiền lấy lại xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58 để trả lại cho Công ty cổ phần Taxi TC Vinh Phúc, nên Trần Quốc M đã bỏ trốn khỏi địa Ph1. Do đó, ngày 30/8/2018 Công ty cổ phần Taxi TC Vinh Phúc có đơn tố giác gửi đến cơ quan chức năng đề nghị giải quyết hành vi: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Trần Quốc M và đề nghị M phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng M đã bỏ trốn. Ngày 22/02/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã bị can và đến ngày 30/3/2019 thì bắt được M theo lệnh truy nã.

\* Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ - C200K, màu sơn đen, BKS: 30A- 641.58 và giấy đăng ký bản gốc. Qua xác M nguồn gốc chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của Công ty cổ phần Vận tải 57, nên ngày

17/4/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố PY đã trả lại xe ô tô và đăng ký xe bản gốc và 01 chiếc chìa khóa cho Công ty cổ phần Vận tải 57, nay Công ty không có yêu cầu gì. Công ty cổ phần Taxi TC có đơn yêu cầu Trần Quốc M phải bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 83.200.000đ, M nhất trí nhưng chưa bồi thường. Còn 01 bản gốc giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô thời hạn bảo hiểm đến ngày 13/12/2017 hết hạn và 01 bản gốc giấy tờ kiểm định hiện Công an xã BH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc đang thu giữ để giải quyết theo đơn đề nghị của anh Ngô M Ph1; Công ty cổ phần Vận Tải 57 và Công ty cổ phần Taxi TC Vĩnh Phúc không yêu cầu trả lại 02 giấy tờ này và cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, Công an thành phố PY đã có Công văn gửi Công an huyện BX giải quyết theo thẩm quyền.

01 Giấy bán xe ô tô viết tay do Trần Quốc M viết ngày 30/01/2018, anh Ngô M Ph1 giao nộp, chuyển theo hồ sơ vụ án hình sự.

Quá trình điều tra, vợ chồng anh Ngô M Ph1 và chị Nguyễn Thị Kiều O yêu cầu Trần Quốc M phải bồi thường số tiền 350.000.000đ, (trong đó 200.000.000đ gốc và 150.000.000đ là tiền lãi). Bị cáo M không đồng ý mức bồi thường mà đề nghị xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 20/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu xác định chữ viết, chữ ký của Trần Quốc M tại bản kiểm điểm đã viết tại Cơ quan điều tra, so sánh với chữ viết trong “giấy bán xe” do anh Ngô M Ph1 cung cấp có cùng do một người viết ra hay không. Tại Kết luận giám định số: 533/KLGD ngày 01/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận: “Chữ viết, chữ ký tại Bản kiểm điểm và giấy bán xe đều do một người viết ra”.

Tại Bản kết luận định giá số: 13/KLĐG ngày 12/3/2018, Hội đồng Định giá tài sản kết luận: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ - C200K, màu sơn đen, BKS: 30A- 641.58, sản xuất năm 2008 có giá là 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2019/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố PY đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc M 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 123, Điều 129, Điều 131, khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 407 và khoản 2 Điều 468, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên bố: Giấy bán xe lập ngày 30/01/2018 giữa bị cáo với công ty M Anh do anh Ngô M Ph1 làm giám đốc vô hiệu.

Buộc bị cáo Trần Quốc M có nghĩa vụ trả cho anh Ngô M Ph1 và chị Nguyễn Thị Kiều O số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Trần Quốc M có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty cổ phần Taxi TCVĩnh Phúc số tiền 83.200.000đồng (Tám mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra quyết định còn tuyên về lãi suất đối với số tiền chậm trả, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có quyết định kháng nghị số: 1621/QĐ-VKS-P7 kháng nghị bản án số: 86/2019/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố PY với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của anh Ngô M Ph1 và chị Nguyễn Thị Kiều O để buộc bị cáo Trần Quốc M có nghĩa vụ bồi thường cho anh Ph1, chị Oanh 200.000.000đồng là không đúng bởi lẽ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo M khẳng định ngày 30/01/2018 bị cáo cầm cố chiếc xe ô tô BKS 30A-641.58 cho anh Ph1, chị O để vay số tiền 80.000.000đồng (chỉ nhận 68.000.000đồng vì bị cắt lãi tháng đầu 12.000.000đồng) anh Ngô Văn L là nhân viên hướng dẫn M viết giấy cầm cố xe và nhận 68.000.000đồng từ chị Oanh đưa cho M. Việc M viết giấy bán xe 200.000.000đồng là do anh Ph1 yêu cầu thì mới giao tiền, lời khai của M phù hợp với lời khai của người làm chứng là anh Ngô Văn L nên không có căn cứ để buộc bị cáo phải trả cho anh Ph1, chị Oanh 200.000.000đồng. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên quyết định kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự sửa một phần dân sự của bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2019/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố PY. Buộc bị cáo Trần Quốc M phải trả cho anh Ngô M Ph1 và chị Nguyễn Thị Kiều O 68.000.000đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì lời khai của người làm chứng không có căn cứ.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Quốc M thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù

hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng M và kết luận:

Ngày 07/8/2017, bị cáo Trần Quốc M ký Hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Taxi TCVĩnh Phúc về việc lái xe kinh doanh dịch vụ Taxi. Ngày 04/10/2017, Công ty đã giao xe ô tô, nhãn hiệu MERCEDES BENZ - C200K, màu sơn đen, Biển kiểm soát: 30A – 641.58, 01 bản chính giấy đăng ký xe, 01 bản chính bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe, 01 bản chính đăng kiểm xe cho bị cáo để thực hiện việc kinh doanh Taxi, thời hạn của Hợp đồng đến ngày 06/8/2018 bị cáo phải bàn giao trả lại xe cho Công ty Thành Công. Đến ngày 30/01/2018 do thiếu tiền tiêu sài, bị cáo đã mang chiếc ô tô Biển kiểm soát 30A – 641.58 trên đến cửa hàng xe máy M A do anh Ngô M Ph1 làm giám đốc; địa chỉ: Tổ 4, phường Hùng Vương, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc, để cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau đó đến ngày 06/8/2018 bị cáo không có khả năng chuộc lại chiếc xe ô tô trên để trả lại cho Công ty cổ phần Taxi TCVĩnh Phúc, nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa Ph1. Chiếc ô tô bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty cổ phần Taxi TCVĩnh Phúc có trị giá 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Trần Quốc M về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và người làm chứng là anh Nguyễn Văn T vẫn khai nhận. Ngày 30/01/2018, khi đặt vấn đề cầm cố xe Biển kiểm soát 30A- 641.58 cho anh Ph1 lấy số tiền 80.000.000đồng, M nói cho anh Ph1 biết nguồn gốc xe ô tô là của Công ty cổ phần Taxi TC và thỏa thuận thỉnh thoảng anh Ph1 phải cho M mượn xe ô tô này để đi về Công ty kiểm tra, anh Ph1 đồng ý. Sau đó, anh Ngô Văn L là nhân viên làm tại cửa hàng xe máy của anh Ph1 hướng dẫn M viết giấy cầm cố xe vay tiền vào một mẫu giấy vay tiền có sẵn. Sau khi viết xong giấy, M đưa lại cho T kiểm tra, rồi T đưa lại cho anh Ph1 giấy vay tiền này để quản lý. Lúc này anh Ph1 yêu cầu M tiếp tục viết giấy bán xe ô tô thì mới giao tiền cho M, M đồng ý. Sau đó, anh Ph1 hướng dẫn M viết giấy bán xe ô tô với giá 200.000.000đồng. M viết xong giấy bán xe giao lại cho anh Ph1 cầm, anh Ph1 bảo vợ là chị Nguyễn Thị Kiều O kiểm tra lại cát giấy này đi. Sau đó chị O anh vợ anh Ph1 đưa tiền cho anh T là 68.000.000đồng, do đã cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền 12.000.000đ rồi đưa cho M. M nhận 68.000.000đồng và giao xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58, cùng Bản gốc Giấy đăng ký xe, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe, 01 đăng kiểm xe cho anh Ph1 rồi ra về. Đến ngày

06/02/2018, M mượn anh Ph1 chiếc xe ô tô trên để đi về Công ty kiểm tra, anh Ph1 đồng ý và bảo Ngô Văn L điều khiển xe ô tô đưa M đến Công ty taxi TC để kiểm tra và M đã nộp đăng ký bản gốc cho Công ty Thành Công. Sau khi kiểm tra xe xong, M tiếp tục nhờ T đưa về nhà ở BX, trên đường về vì nhà M có tang, nên M mượn xe ô tô để sử dụng vào việc đi lại, T đồng ý. Sau khi mượn được xe ô tô M sử dụng đến hết ngày 06/02/2018 vẫn không trả cho T. T đi tìm M để lấy lại xe ô tô về trả cho anh Ph1 nhưng không tìm được, T điện thoại cho M nhưng không liên lạc được. Sau đó anh T tiếp tục tìm M đòi lại xe ô tô và đến ngày 08/02/2018, anh T phát hiện thấy xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58 để tại nhà nghỉ Quê Hương thuộc xã Bá Hiến, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc và báo cho anh Ph1 biết. Sau đó anh Ph1 đi đến nhà nghỉ QH và cùng với T gặp M để lấy lại chiếc xe ô tô này.

[4] Anh Ngô M Ph1 và chị Nguyễn Thị Kiều O, quá trình điều tra và tại phiên tòa khẳng định ngày 30/01/2018 Trần Quốc M có mang chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58 đến cửa hàng xe máy M Anh đặt vấn đề bán xe cho anh Ph1. Lúc diễn ra giao dịch mua bán xe chỉ có 02 vợ chồng anh chị với Trần Quốc M, M có nói với anh chị xe ô tô do M mua của Công ty cổ phần Vận Tải 57, nhưng chưa sang tên, nay M không có nhu cầu sử dụng đang cần tiền nên muốn bán. Vì tin tưởng M cũng là chỗ quen biết, nên anh chị đã mua chiếc xe ô tô trên với giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). M là người viết giấy bán xe, anh chị đã trả đủ cho M 200.000.000 đồng, M bàn giao lại xe ô tô cùng bản gốc đăng ký xe, Giấy chứng nhận trách nhiệm dân sự, Sổ đăng kiểm của xe ô tô Biển kiểm soát 30A- 641.58. Đến ngày 06/02/2018 Ngô Văn L là nhân viên của cửa hàng, có hỏi mượn xe ô tô này về quê ăn giỗ, nên anh Ph1 đã cho T mượn xe cùng toàn bộ giấy tờ xe. Nhưng sau đó T lại cho Trần Quốc M mượn lại xe, M đã không trả lại xe cho T để trả cho anh Ph1, anh Ph1 đã bắt T đi tìm M để đòi xe. Đến ngày 08/02/2018 T gọi điện cho anh Ph1 nói đã tìm được xe, sau đó anh Ph1 và T đến nhà nghỉ QL tìm gặp M để đòi xe.

[5] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người làm chứng là anh Ngô Văn L, Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm bị cáo M cầm cố xe thì giữa bị cáo, anh T không có mâu thuẫn gì với anh Ph1, chị Oanh nên có căn cứ để khẳng định: Ngày 30/01/2018, bị cáo đặt vấn đề cầm cố xe Biển kiểm soát 30A- 641.58 cho anh Ph1 lấy số tiền 80.000.000 đồng, M nói cho anh Ph1 biết nguồn gốc xe ô tô là của Công ty cổ phần Taxi TC và thỏa thuận thỉnh thoảng anh Ph1 phải cho M mượn xe ô tô này để đi về Công ty kiểm tra, anh Ph1 đồng ý. Sau đó, anh Ngô Văn L là nhân viên làm tại cửa hàng xe máy của anh Ph1 hướng dẫn M viết giấy cầm cố xe vay tiền vào một mẫu giấy vay tiền có sẵn. Sau khi viết xong giấy, M đưa lại cho T kiểm tra, rồi T đưa lại cho anh Ph1 giấy vay tiền này để quản lý. Lúc này anh Ph1 yêu cầu M tiếp tục viết giấy bán xe ô tô thì mới giao tiền cho M, M đồng ý. Sau đó, anh Ph1 hướng dẫn M viết giấy bán xe ô tô với giá



200.000.000đồng. M viết xong giấy bán xe giao lại cho anh Ph1 cầm, anh Ph1 bảo vợ là chị Nguyễn Thị Kiều O kiểm tra lại cất giấy này đi. Sau đó chị Oanh vợ anh Ph1 đưa tiền cho anh T là 68.000.000đồng, do đã cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền 12.000.000đ rồi T đưa cho M, M nhận 68.000.000đồng. Đến ngày 06/02/2018 M mượn xe mang đến Công ty cổ phần Taxi TC để kiểm tra xe và Công ty đã giữ lại bản gốc giấy đăng ký xe, Công ty cổ phần Taxi TC cũng thừa nhận bị cáo có mang xe đến để công ty kiểm tra. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy bán xe của bị cáo với anh Ph1 để buộc bị cáo phải trả 200.000.000đ là không có căn cứ bởi lẽ: Chiếc xe được định giá là 350.000.000đồng trong khi các bên mua bán với giá chỉ 200.000.000đồng, giấy đăng ký xe không đứng tên bị cáo và khi bị cáo bán không có giấy tờ nào thể hiện là xe của bị cáo, các bên cũng không làm thủ tục qua công chứng. Khi bị cáo mượn xe để đến công ty kiểm tra anh Ph1 giao cho T đi cùng, nếu bị cáo đã có hành vi bán xe ngay từ ngày 30/01/2018 thì việc gì phải đem xe về công ty để kiểm tra, nếu có bán thật thì khi bị cáo mượn xe thì anh Ph1 phải cho T đi cùng để làm gì. Tại cơ quan điều tra và phiên tòa phúc thẩm anh Ph1 cho rằng cửa hàng anh không cho ai vay tiền bao giờ. Tuy nhiên, khi Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ thu thập được tại Cơ quan Công an thành phố PY thể hiện một số người có vay tiền của anh Ph1 có đơn tố cáo thì anh Ph1 cho rằng có cho một số người vay tiền. Xét thấy lời khai trên của anh Ph1 là không có căn cứ, bởi lẽ người làm chứng khai cửa hàng anh Ph1 có cho vay tiền và những người có đơn tố cáo đều có lời khai vay tiền của anh Ph1. Do vậy giấy bán xe do bị cáo viết ngày 30/01/2018 thực chất là hợp đồng mua bán giả tạo để đảm bảo cho việc bị cáo cầm cố xe để vay 80.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào giấy bán xe này để buộc bị cáo phải trả lại cho anh Ph1 chị Oanh 200.000.000đồng là không có căn cứ.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần chấp nhận và sửa một phần dân sự trong bản án hình sự và buộc bị cáo Trần Quốc M phải trả lại cho anh Ngô M Ph1 chị Nguyễn Thị Kiều O 68.000.000đồng.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu, án phí dân sự trong vụ án hình sự bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Sửa một phần dân sự của bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2019/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố PY.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Quốc M có nghĩa vụ trả cho anh Ngô M Ph1 và chị Nguyễn Thị Kiều O số tiền 68.000.000đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thanh toán tiền thi hành án, nếu người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất do chậm trả tiền của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Quốc M không phải chịu.

Bị cáo Trần Quốc M phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự là 3.400.000đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND TP. PY;
- VKSND TP. PY;
- Công an TP. PY;
- Chi cục THADS TP. PY;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ + Toà hình sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Văn Thái**